

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/DS-ST
Ngày: 28-12-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui và
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: (không có).

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số xx, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị C (theo Giấy ủy quyền ngày 28/12/2020):

Bà Trịnh Lệ T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số xx, đường Nguyễn Hoàng H, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964.

Ông Hứa Văn H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K, huyện K, tỉnh S.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Đinh Thị C trình bày:

Bà Đinh Thị C làm chủ hội, vợ chồng ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T là hội viên, có tham gia của 08 dây hội, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng mở ngày 28/9/2019 âm lịch, mãn ngày 28/6/2021 âm lịch, có 22 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 02 phần. Đã hót hết 02 phần vào kỳ đầu tiên. Tính đến ngày 28/01/2020 âm lịch ông, bà nợ 04 lần hội chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Dây 2: Hội tháng mở ngày 19/11/2018 âm lịch, mãn ngày 19/7/2020 âm lịch, có 21 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 01 phần. Đã hót vào kỳ đầu tiên. Tính đến ngày 19/01/2020 âm lịch còn nợ 14 lần hội chết x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

Dây 3: Hội mùa 04 tháng khai một lần, mở ngày 13/7/2015 âm lịch, mãn ngày 13/3/2020 âm lịch, có 15 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 01 phần. Đã hót hội vào kỳ thứ 3. Tính đến ngày 13/11/2019 âm lịch ông, bà còn nợ 11 lần hội chết x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng.

Dây 4: Hội mùa 04 tháng khai một lần, mở ngày 13/3/2016 âm lịch, mãn ngày 13/3/2021 âm lịch, gồm 16 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 02 phần và đã hót hội hết cả 02 phần. Tính đến 13/11/2019 âm lịch, ông H và bà T không đóng hội chết 08 lần x 5.000.000 đồng x 02 phần = 80.000.000 đồng.

Dây 5: Hội mùa 04 tháng khai một lần, mở ngày 26/11/2015 âm lịch, mãn ngày 26/11/2020 âm lịch, có 16 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 01 phần. Đã hót hội vào kỳ thứ 3. Tính đến 26/11/2019 âm lịch, ông, bà còn nợ 10 lần hội chết x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Dây 6: Hội mùa 04 tháng khai một lần, mở ngày 24/7/2016 âm lịch, mãn ngày 24/11/2021 âm lịch, có 17 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 01 phần. Đã hót hội vào kỳ thứ 3. Tính đến 24/11/2019 âm lịch, ông, bà còn nợ 08 lần hội chết x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Dây 7: Hội tháng mở ngày 10/02/2018 âm lịch, mãn ngày 10/10/2019 âm lịch, có 21 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, ông H, bà T tham gia 01 phần. Đã hót hội vào kỳ thứ 1. Tính đến ngày 10/10/2019 âm lịch, ông, bà còn nợ lại 20 lần hội chết x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Dãy 8: Hội tháng mở ngày 21/9/2017 âm lịch, mần ngày 10/10/2019 âm lịch, có 25 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng ông H, bà T tham gia 02 phần. Đã hốt cả 02 phần vào kỳ thứ 1 và thứ 2. Tính đến ngày 10/10/2019 âm lịch, ông, bà không đóng hội chết 23 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần = 46.000.000 đồng.

Cộng chung tiền nợ hội là 277.000.000 đồng.

Bên cạnh đó bà T và ông H còn nợ bà Chính 10.000.000 đồng tiền vay.

Tổng cộng nợ hội và nợ mượn là 287.000.000 đồng. Do bà T và ông H có trả cho bà Chính được 29.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 258.000.000 đồng.

Nay bà Đinh Thị C yêu cầu Bà Nguyễn Thị T và ông Hứa Văn H trả cho bà số tiền hội và tiền vay còn nợ tổng cộng là 258.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi phát sinh gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, các bị đơn là ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T là vợ chồng. Trước đây, bà T có tham gia chơi hội do bà Đinh Thị C làm đầu thảo. Sau khi hốt hội xong do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không đóng hội chết đầy đủ và hiện nay còn nợ 258.000.000 đồng như bà Đinh Thị C trình bày.

Ông Hứa Văn H cũng đồng ý cùng vợ là Bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đinh Thị C số tiền hội còn nợ theo nội dung đơn khởi kiện mà bà Chính nộp là 258.000.000 đồng, nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 7.000.000 đồng đến khi xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án. Các bị đơn đều có ý kiến: “Trước đây, bà T có tham gia chơi hội do bà Đinh Thị C làm đầu thảo. Sau khi hốt hội xong do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không đóng hội chết đầy đủ và hiện nay còn nợ 258.000.000 đồng như bà Đinh Thị C trình bày”; “ông Hứa Văn H cũng đồng ý cùng vợ là Bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đinh Thị C số tiền hội còn nợ theo nội dung đơn khởi kiện mà bà Chính nộp là 258.000.000 đồng, nhưng xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 7.000.000 đồng đến khi xong nợ”. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật và có giao dịch về tài sản dưới hình thức vay tài sản,

không thỏa thuận lãi là có thật. Tuy nhiên, hiện nay đây hui mà các bị đơn tham gia đã hốt hui sống hết nhưng các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền hui chết theo thỏa thuận và cũng không trả tiền vay còn nợ khi nguyên đơn có ý kiến đòi lại là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hui và tiền vay còn nợ cộng chung là 258.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hui và tiền vay. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Đối với ý kiến của các bị đơn xin trả dần số tiền 258.000.000 đồng còn nợ bằng cách mỗi tháng trả 7.000.000 đồng đến khi xong. Do nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến này của các bị đơn.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị C. Buộc ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Đinh Thị C số tiền hui và tiền vay còn nợ, cộng chung là **258.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu đồng).**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà Đinh Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **6.450.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0006725 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T cùng phải chịu **12.900.000 đồng (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bà Đinh Thị C, bà Trịnh Lệ Thúy, ông Hứa Văn H và Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Lưu HSVA.

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

